

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DSST

Ngày: 12/07/2024

V/v *Kiểm đòi tài sản (tiền).*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Niên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga và bà Ngô Thị Như Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2023/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc kiện đòi nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX - ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1964

Nơi cư trú: SN 155, đường Đê Đà Giang, tổ 01, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967 và **ông Bùi Đức T**, sinh năm 1974

Cùng trú tại: SN 25, ngõ 3, đường Trần Quốc Toản, tổ 03, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

Ông Th có mặt, bà H và ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ngày 01/9/2021 tôi có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T vay số tiền 50.000.000đ để lo cho con gái tốt nghiệp đại học ra trường, khi vay hai bên có lập hợp đồng vay nợ tại văn phòng công chứng Đình Công C, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất không vượt quá 20%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 1,5% một tháng,

phương thức trả nợ hằng tháng bà H, ông T phải trả cho tôi tiền lãi của tháng đó vào ngày 30; hết thời hạn vay bà H, ông T phải cho cho tôi toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh (nếu có).

Sau khi ký hợp đồng, tôi đã giao đủ số tiền 50.000.000đ cho bà H và ông T ngay tại văn phòng công chứng Đình Công C; sau khi vay bà H và ông T trả lãi cho tôi được 7 tháng đầu là 7.000.000đ, sau không trả lãi hàng tháng cho tôi như cam kết, tôi đòi nhiều lần nhưng bà H, ông T không trả, đến thời điểm qua tết năm 2023 thì bà H, ông T có trả thêm cho tôi được 7.000.000đ, tổng 14.000.000đ tiền lãi. Sau đó không trả nợ gốc và lãi còn thiếu cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà H, ông T phải trả cho tôi 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/07/2024.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa để làm việc, song ông T chỉ đến tòa một lần, quá trình làm việc ông T trình bày: Tôi có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc ông Nguyễn Văn Th khởi kiện đòi vợ chồng tôi trả khoản nợ 50.000.000đ. Do vợ tôi đang đi nước ngoài (đi Hà Quốc), tôi chưa nắm được việc vay nợ giữa các bên như thế nào nên chưa đưa ra được quan điểm để giải quyết, tôi đề nghị ông Th cho tôi thêm thời gian để hỏi lại bà H thì tôi mới đưa ra quan điểm giải quyết. Về việc trả nợ, theo tôi được biết thì vợ tôi đã hai lần trả tiền cho ông Th, mỗi lần 7.000.000đ, tổng 14.000.000đ.

Tại Tòa án, khi được xem hợp đồng vay nợ, ông T xác nhận chữ ký và điểm chỉ trong hợp đồng là chữ ký của ông và vợ ông bà Nguyễn Thị H. Ông T hiện có mặt tại địa phương.

Đối với bà H, tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng bà H không đến tòa làm việc, xác minh tại địa phương hiện bà H không có mặt, bà H đã bỏ đi đâu từ nhiều tháng nay, đi đâu, làm gì, ở đâu không ai biết, do đó tòa không ghi được lời khai và quan điểm giải quyết của bà H.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của tòa án: Tại văn bản số 13/PA08 ngày 05/01/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hòa Bình, phối hợp với Cục xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp thông tin: Qua tra cứu thông về xuất nhập cảnh, không có thông tin về việc bà Nguyễn Thị H đã xuất cảnh ra nước ngoài.

Văn phòng công chứng Đình Công C cung cấp thông tin: Ngày 01/09/2021, văn phòng công chứng Đình Công C có thực hiện việc chứng thực Hợp đồng vay nợ giữa ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T, về trình tự, thủ tục chứng thực được văn phòng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ngoài thông tin văn phòng cung cấp cho Tòa án bộ hồ sơ chứng thực hợp đồng trên.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 20 tháng 5 năm 2024, ông Nguyễn Văn Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các

bị đơn đều vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt. Do không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35 BLTTDS; Điều 274; 275; 280; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th khởi kiện đòi tài sản (tiền) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T, các bị đơn đều cư trú tại: tổ 3, phường Đ, thành phố H, căn cứ Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, lấy lời khai các đương sự, người làm chứng, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử; ra quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và thực hiện thủ tục cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng các bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về phạm vi, yêu cầu khởi kiện, nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T phải trả khoản nợ 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi nợ quá hạn, nên Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu của nguyên đơn trong phạm vi, yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không đến Tòa án làm việc và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập có cơ sở xác định ngày 01/9/2021, tại Văn phòng công chứng Đình Công C các bên có lập Hợp đồng vay nợ với nội dung ông Nguyễn Văn Th cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 01 năm, kể từ ngày 01/9/2021, lãi suất không vượt quá 20%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 1,5%; phương thức trả nợ hằng tháng bên vay phải trả cho bên cho vay tiền lãi của tháng đó vào ngày 30, đến thời hạn trả nợ bên vay phải trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh (nếu có).

Xét hợp đồng vay nợ của các bên, xác định là loại hợp đồng vay nợ có kỳ hạn, có lãi, hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà H, ông T đã trả nợ cho ông Th được hai lần, mỗi lần 7.000.000đ, tổng 14.000.000đ tiền lãi, sau đó không trả nợ cho bên vay như đã cam kết dẫn đến tranh chấp, như vậy bên vay đã vi phạm hợp đồng, do đó ông Th khởi kiện yêu cầu bà H, ông T trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ thì bà H, ông T mới trả cho ông Th được 14.000.000đ tiền lãi, còn nợ 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh, nên cần buộc bà H, ông T có trách nhiệm trả cho ông Th là phù hợp. Đối với thời điểm tính lãi quá hạn, ông Th chỉ đề nghị tính lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/7/2024, do đó Hội đồng xét xử xác định thời điểm cuối cùng là ngày 01/7/2024, mà không phải ngày xét xử sơ thẩm.

Về lãi suất: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi suất cơ bản ngân hàng Nhà nước quy định tại Quyết định số 1124 ngày 12/6/2023 là 4,75%/năm. Đối với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng không quá 20%/năm là không trái với quy định của pháp luật, phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận mức lãi này để tính lãi vay trong hạn là phù hợp cụ thể: $50.000.000đ \times 20\% = 10.000.000đ/\text{năm}$. Lãi suất quá hạn bằng 1,5%, tính từ 01/9/2022 đến ngày 01/7/2024 là 22 tháng: $50.000.000đ \times 1,5\% \times 22 \text{ tháng} = 16.500.000đ$. Tổng cộng là 26.500.000đ. Xác nhận bà H, ông T đã trả được 14.000.000đ được đối trừ, nay còn phải trả tiếp cho ông Th 12.500.000đ tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi bà H, ông T phải trả cho ông Th là 62.500.000đ.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 26, 35 BLTTDS; 274; 275; 280; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th về việc kiện đòi nợ đối với bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn Th 50.000.000đ tiền gốc và 12.500.000đ tiền lãi. Tổng là 62.500.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T không trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi bằng lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm trả nợ tương ứng số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức T phải nộp 3.125.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0000070 ngày 31/10/2023 của Chi cục THADS Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TPH;
- Các đương sự;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Bùi Thành Niên